

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO-BỘ NỘI VỤ-ỦY
BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VIỆT NAM

Số:
05/2005/NQLT/TANDTC-
BNV-UBTWMTTQVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2005

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH

*Về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Hội thẩm Tòa án nhân dân*

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ NỘI VỤ - BAN THƯỜNG TRỰC

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ vào Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Điều 2. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Đoàn Hội thẩm, Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đoàn Hội thẩm, Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ

chức hữu quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA

HỘI THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQLT/TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN

ngày 05/12/2005 của Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Nội vụ - Ban Thường trực

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về Hội thẩm Tòa án nhân dân (sau đây gọi chung là Hội thẩm), Đoàn Hội thẩm, hoạt động của Hội thẩm, trách nhiệm của Tòa án nhân dân, cơ quan, tổ chức trong việc quản lý, hỗ trợ Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm.

Điều 2. Hội thẩm được quy định trong Quy chế này là Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Hội thẩm được tổ chức thành Đoàn Hội thẩm.

Điều 3. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán; độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 4. Chánh án Tòa án nhân dân nơi có Hội thẩm được bầu làm nhiệm vụ xét xử, thực hiện việc quản lý Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm theo quy định của Quy chế này.

Điều 5. Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện quyền giám sát hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm; theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện cần thiết để Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm hoàn thành nhiệm vụ xét xử.

Chương II

HỘI THẨM

Điều 6.

1. Hội thẩm là người được bầu theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án;
2. Hội thẩm có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Hội thẩm được quy định như sau:

1. Là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Cụ thể là:
 - a) Không có bất kỳ hành vi nào gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nền quốc phòng toàn dân, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt cộng đồng;
 - c) Kiên quyết đấu tranh với những hành vi có hại đến Đảng, đến Tổ quốc và nhân dân;
 - d) Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền;
 - đ) Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, bảo vệ công lý;
 - e) Chưa bao giờ bị kết án (kể cả trường hợp đã được xóa án tích);
2. Có kiến thức pháp lý;
3. Có sức khỏe về thể chất và tinh thần để hoàn thành nhiệm vụ được giao; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

4. Những người đang công tác tại các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Điều tra, Thi hành án và luật sư thì không giới thiệu để bầu làm Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Điều 8.

1. Hội thẩm được cấp trang phục, Giấy chứng minh Hội thẩm để làm nhiệm vụ xét xử;
2. Khi làm nhiệm vụ xét xử, Hội thẩm được hưởng phụ cấp theo quy định của pháp luật;
3. Hội thẩm được bồi dưỡng về nghiệp vụ, tham gia hội nghị tổng kết công tác xét xử của Tòa án;
4. Hội thẩm là cán bộ, công chức thì thời gian làm nhiệm vụ Hội thẩm được tính vào thời gian làm việc ở cơ quan, đơn vị;
5. Hội thẩm có thành tích xuất sắc được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 9.

1. Trong một năm mà Hội thẩm không được Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp phân công làm nhiệm vụ xét xử thì có quyền yêu cầu Chánh án Tòa án nhân dân cho biết lý do;
2. Hội thẩm có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
3. Trong thời gian làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp, Hội thẩm có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức nơi Hội thẩm đang công tác không được điều động, phân công mình làm việc khác, trừ trường hợp đặc biệt.

Điều 10. Hội thẩm thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

1. Tham gia xét xử theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp mà không được từ chối, trừ trường hợp có lý do chính đáng hoặc do pháp luật tổ tụng quy định;

2. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ do Tòa án tổ chức; tự học tập để nâng cao kiến thức pháp luật và nghiệp vụ xét xử;
3. Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tham gia công tác hòa giải ở cơ sở;
4. Chấp hành nội quy và quy chế của cơ quan Tòa án;
5. Mặc trang phục theo quy định khi làm nhiệm vụ xét xử;
6. Giữ bí mật nhà nước và bí mật công tác theo quy định của pháp luật;

Điều 11.

1. Hội thẩm chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật bãi nhiệm hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;
2. Hội thẩm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà gây thiệt hại thì Tòa án nơi Hội thẩm đó thực hiện nhiệm vụ xét xử phải có trách nhiệm bồi thường và Hội thẩm đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

Điều 12.

1. Hội thẩm có trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ của mình với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp hoặc Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu;
2. Khi có sự thay đổi nơi cư trú hoặc nơi công tác thì Hội thẩm thông báo cho Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm hoặc Chánh án Tòa án cùng cấp biết.

Điều 13.

1. Hội thẩm có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác;
2. Hội thẩm bị bãi nhiệm khi có vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật không còn xứng đáng làm Hội thẩm.

Điều 14. Hội đồng nhân dân quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Hội thẩm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Chương III